

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu

1.1.1. Tên dự án: Kế hoạch sửa chữa thường xuyên năm 2026;

1.1.2. Tên gói thầu **“SCTX-2026-18: Cung cấp các loại vật tư thiết bị phục vụ triển khai sớm cho sản xuất điện dây chuyền 2”**

1.1.3. Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại;

1.1.4. Nguồn vốn: Sản xuất kinh doanh;

1.1.5. Địa điểm: Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại

1.1.6. Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu số: 1852/QĐ-PPC ngày 04 tháng 5 năm 2026 của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại;

1.1.7. Quy mô gói thầu: **1.824.844.140 VND;**

1.1.8. Hình thức lựa chọn nhà thầu và phương thức đấu thầu: Đấu thầu rộng rãi, trong nước, qua mạng.

1.1.9. Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn một túi hồ sơ;

1.1.10. Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói;

1.1.11. Thời gian thực hiện gói thầu: 180 ngày.

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật đối với hàng hóa.

1.2.1. Xuất xứ, hãng sản xuất hàng hóa.

+ Hàng hóa dự thầu phải có xuất xứ rõ ràng. Nhà thầu phải nêu cụ thể tên hãng sản xuất và tên nước hoặc vùng lãnh thổ của hàng hóa chào thầu.

1.2.2. Đặc tính, thông số kỹ thuật, ký mã hiệu hàng hóa.

- Hàng hóa mới 100% chưa qua sử dụng, được sản xuất từ năm 2025 trở lại đây.

- Hàng hóa dự thầu phải có nhãn mác, mã hiệu rõ ràng. Đặc tính, thông số kỹ thuật đáp ứng yêu cầu của E-Hồ sơ mời thầu hoặc tương đương hoặc tốt hơn.

- Đối với hàng hóa trong bảng **“1.3. Bảng thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn hàng hóa”** thuộc chương V của E-HSMT, nếu nhà thầu chào thầu là tương đương hoặc tốt hơn thì:

(*) Nhà thầu cần chứng minh một trong hai yêu cầu sau:

Nhà thầu cần cấp ít nhất một (01) hợp đồng cung cấp hàng hóa tương đương và xác nhận của đơn vị sử dụng để chứng minh:

+ Danh mục hàng hóa phù hợp với gói thầu đang xét;

+ Thời gian sử dụng ≥ 12 tháng;

+ Chất lượng hàng hóa đáp ứng các tiêu chí vận hành ổn định.

Xác nhận của đơn vị sử dụng phải có đủ thông tin liên hệ, tên, chức vụ.

Hoặc nhà thầu chứng minh được các hàng hóa tương đương đó đã được sản xuất/chế tạo tại cơ sở sản xuất của đơn vị cung cấp cho nhà sản xuất hàng hóa trong E-HSMT đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật và chất lượng.

(**) Nhà thầu phải cung cấp tài liệu kỹ thuật của nhà sản xuất, thông tin kỹ thuật của hàng hóa tham chiếu trong E-HSMT kèm theo E-HSDT để chứng minh tính phù hợp với hàng hóa theo yêu cầu của E-HSMT, lập bảng so sánh để chứng minh hàng hóa là tương đương hoặc tốt hơn hàng hóa theo yêu cầu của E-HSMT theo các tiêu chí sau:

- + Chức năng của hàng hóa;
- + Môi trường, điều kiện làm việc của hàng hóa;
- + Thông số, đặc tính kỹ thuật, tiêu chuẩn công nghệ (tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn thử nghiệm...).

1.2.3. Tài liệu kỹ thuật.

Hàng hóa chào thầu phải có tài liệu kỹ thuật của nhà sản xuất kèm theo trong E-HSDT để chứng minh đáp ứng các đặc tính và thông số kỹ thuật theo yêu cầu của E-HSMT, Nhà thầu phải có chỉ dẫn cụ thể trong tài liệu cho từng hạng mục hàng hóa, đánh dấu model, ký mã hiệu, nhãn hiệu của hàng hóa trong tài liệu. Tài liệu phải sử dụng tiếng Việt hoặc tiếng Anh; Các tài liệu sử dụng ngôn ngữ khác phải có bản dịch sang tiếng Việt (có công chứng) kèm theo.

1.2.4. Tiến độ cấp hàng.

Nhỏ hơn hoặc bằng ($\leq$) 180 ngày liên tục, kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến ngày lập Biên bản nghiệm thu kỹ thuật giữa chủ đầu tư và nhà thầu.

1.2.5. Số lượng.

Hàng hóa dự thầu phải có đủ số lượng theo yêu cầu của E-HSMT.

1.2.6. Bảo hành.

- Nhà thầu cam kết có trách nhiệm bảo hành đối với phần hàng hóa do mình cung cấp tối thiểu 12 tháng kể từ ngày được nghiệm thu kỹ thuật.

- Nếu trong thời gian bảo hành, hàng hóa không đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật vận hành phải ngừng để sửa chữa (theo trách nhiệm bảo hành) thì thời gian bảo hành được kéo dài thêm một khoảng thời gian tương ứng thời gian ngừng để khắc phục hư hỏng.

- Trong trường hợp nhà thầu không thực hiện trách nhiệm bảo hành (trong thời hạn tối đa 07 ngày kể từ ngày chủ đầu tư yêu cầu bảo hành), chủ đầu tư buộc phải xử lý thì nhà thầu phải chịu trách nhiệm chi trả chi phí sửa chữa đó, kể cả chi phí đó vượt giá trị bảo lãnh bảo hành.

1.2.7. Các cam kết và yêu cầu riêng.

+ Đối với hàng hóa sản xuất trong nước: Nhà thầu phải cam kết cung cấp chứng chỉ chất lượng hàng hóa (CQ) hoặc giấy tờ tương đương (hợp pháp) của Nhà sản xuất (Bản gốc hoặc bản sao có công chứng hoặc bản điện tử có đường dẫn tra cứu hợp

pháp) cho mục vật tư, thiết bị theo yêu cầu tại **“1.3. Bảng thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn hàng hóa”** thuộc chương V của E-HSMT.

+ Đối với hàng hoá Nhập khẩu: Nhà thầu phải cam kết cấp đầy đủ các chứng chỉ nguồn gốc xuất xứ hàng hoá (CO) bản gốc hoặc bản sao có công chứng hoặc bản điện tử có đường dẫn tra cứu hợp pháp, giấy chứng nhận về chất lượng hàng hóa (CQ) hoặc giấy tờ tương đương (hợp pháp) của Nhà sản xuất (Bản gốc hoặc bản sao có công chứng hoặc bản điện tử có đường dẫn tra cứu hợp pháp) và tờ khai hải quan (bản gốc) hoặc tờ khai hải quan (bản sao) được đóng dấu và xác nhận sao y bản chính của đơn vị nhập khẩu hoặc tờ khai hải quan là bản điện tử có đường dẫn tra cứu hợp pháp cho mục vật tư, thiết bị theo yêu cầu tại **“1.3. Bảng thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn hàng hóa”** thuộc Chương V của E-HSMT.

+ Nhà thầu phải cam kết trong E-HSDT về việc không vi phạm quyền sở hữu trí tuệ đối với hàng hóa nhà thầu cung cấp. Cam kết miễn trừ trách nhiệm và bồi thường toàn bộ thiệt hại, chi phí phát sinh (nếu có) cho chủ đầu tư trong trường hợp có khiếu nại của bên thứ ba về quyền sở hữu trí tuệ đối với hàng hóa do nhà thầu cung cấp.

1.3. Bảng thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn hàng hóa

STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả hàng hóa	Đơn vị	Khối lượng mời thầu	Yêu cầu
1	Phin lọc khí Atlas Copco 1621574299	P/N: 1621574299	Cái	06	CO, CQ, TKHQ, TLKT; xuất xứ G7
2	Phin lọc gió cho máy nén khí P/N: 1621138999	P/N: 1621138999	Cái	01	CO, CQ, TKHQ, TLKT; xuất xứ G7
3	Gioăng cao su làm kín mặt ghép chi tiết số 7 (theo hình FIG bản vẽ 186C9881 cho xi lanh van CV1/2/3/4)	Chi tiết số 7 (theo hình FIG. IV bản vẽ 186C9881)	Cái	02	CO, CQ, TKHQ, TLKT
4	Gioăng cao su làm kín mặt ghép chi tiết số 9 (theo hình FIG bản vẽ 186C9881 cho xi lanh van CV1/2/3/4)	Chi tiết số 9 (theo hình FIG. IV bản vẽ 186C9881)	Cái	02	CO, CQ, TKHQ, TLKT
5	Gioăng cao su làm kín trục chi tiết số 3 (theo hình FIG bản vẽ 186C9881 cho xi lanh van CV1/2/3/4)	Chi tiết số 3 (theo hình FIG. IV bản vẽ 186C9881)	Cái	04	CO, CQ, TKHQ, TLKT

6	Gioăng cao su làm kín trục chi tiết số 4 (theo hình FIG bản vẽ 186C9881 cho xi lanh van CV1/2/3/4)	Gioăng cao su làm kín trục chi tiết số 4 (theo hình FIG bản vẽ 186C9881 cho xi lanh van CV1/2/3/4)	Cái	02	CO, CQ, TKHQ, TLKT
7	Gioăng cao su làm kín trục chi tiết số 6 (theo hình FIG bản vẽ 186C9881 cho xi lanh van CV1/2/3/4)	Chi tiết số 6 (theo hình FIG. IV bản vẽ 186C9881)	Cái	02	CO, CQ, TKHQ, TLKT
8	Gioăng cao su làm kín trục chi tiết số 7 (theo bản vẽ 503951 cho xi lanh van CV1/2/3/4)	Gioăng cao su làm kín trục chi tiết số 7 (theo bản vẽ 503951)	Cái	02	CO, CQ, TKHQ, TLKT
9	Bộ gioăng cao su viton các đường dầu thủy lực tua bin phi: 24,5 IDx 2; 30 IDx 3; 20 IDx 2; 27 IDx 3; 13,3 IDx 2; 17 IDx 3; 42 IDx 3; 58,5 IDx 3; 26 IDx 4; 16,4 IDx 2,5; (Mỗi loại 10 cái)	Bộ gioăng cao su viton các đường dầu thủy lực tua bin phi: 24,5 IDx 2; 30 IDx 3; 20 IDx 2; 27 IDx 3; 13,3 IDx 2; 17 IDx 3; 42 IDx 3; 58,5 IDx 3; 26 IDx 4; 16,4 IDx 2,5; (Mỗi loại 10 cái)	Bộ	02	CO, CQ, TKHQ, TLKT
10	Gioăng dầu thủy lực PN: 1300015 (Seal kit)	P/N: 1300015	Bộ	02	CO, CQ, TKHQ, TLKT
11	Gioăng cao su ID=48.5, W=2.5 viton	Vật liệu Viton; Kích thước ID=48.5mm, W=2.5mm.	Cái	02	CO, CQ, TKHQ, TLKT
12	Phin lọc tinh cho hệ thống dầu thủy lực HC9020FKZ8Z (Thay PN: 3003100718)	P/N: HC9020FKZ8Z	Cái	02	CO, CQ, TKHQ, TLKT; xuất xứ G7
13	Phin lọc cao áp- HPU250A-GE-STO-061-1, PN: HC9651FDP16Z	P/N: HC9651FDP16Z	Cái	04	CO, CQ, TKHQ, TLKT; xuất xứ G7
14	Ống cao su cao áp dẫn dầu thủy lực 1/2"-1.5m	Đường kính 1/2", dài 1500mm hai đầu nổi ren (Rắc co); Pmax $\geq$ 5000PSI	Bộ	01	CO, CQ, TKHQ, TLKT
15	Ống cao su dẫn dầu 1" (AL= 1600mm bao gồm hai đầu nổi)	Đường kính 1" (Dài 1600 mm bao gồm hai đầu nổi); P làm việc max $\geq$ 4600PSI	Cái	01	CO, CQ, TKHQ, TLKT

16	Ống cao su dẫn dầu 3/4' (AL= 1600mm bao gồm 2 đầu nối)	Đường kính 1" (Dài 1600 mm bao gồm hai đầu nối); P làm việc max $\geq$ 4600PSI	Bộ	01	CO, CQ, TKHQ, TLKT
17	Bạc ren và ty van của van điều chỉnh nước cấp FWS-FV114/1/2 phần nối giữa actuator rotork IQM16FA14Z& van Fisher, type HPT, size 6", stem 1", travel 3"	Bộ chi tiết truyền động giữa Actuator ROTORK IQM16FA14Z và van FISHER: Type HPT, Size 6", Stem 1", Travel 3"	Bộ	02	CO, CQ, TKHQ, TLKT
18	Phin lọc dầu hệ thống dầu bơm nước cấp 300373	Ident no: 300373	Cái	03	CO, CQ, TKHQ, TLKT
19	Gioăng SS-NONAS (822-500-038)	Spiral wound gasket; Techn.details: SS+NONAS (item number: 822.500.038)	Cái	01	CO, CQ, TKHQ, TLKT
20	Phin lọc dầu bơm tuần hoàn PN 300362 O1NL 100 256 16.E.P	P/N: 01N.100.25G.16.E.P	Cái	04	CO, CQ, TKHQ, TLKT
21	Bộ gioăng phốt cho xi lanh MT12 HNC 6.00 2300 KAL1G	Bộ gioăng phốt dùng cho xy lanh thủy lực loại MT12 HNC 6.00 2300 KAL1G	Bộ	02	CO, CQ, TKHQ, TLKT
22	Phin lọc dầu bôi trơn tuabin P/N của GE: 21157 (Thay PN: 3003224005)	P/N: 21157	Cái	04	CO, CQ, TKHQ, TLKT; xuất xứ G7
23	Gioăng chì	Gioăng chì P10-CLAL (OD23,6xID14,2xT1,7)	Cái	30	CO, CQ, TKHQ, TLKT
24	Ống đồng mạ Cadimi dùng dẫn Cl (Mã hiệu 6414C) gồm cả đầu nối	Mã hiệu 6414C, gồm 2 đầu nối ren (CGA 820 X CGA 820; 6ft)	Ống	02	CO, CQ, TKHQ, TLKT
25	Bi cao su xốp màu làm sạch ống bình ngưng (ST29N1)	P/N: ST29N1	Viên	15000	CO, CQ, TKHQ, TLKT
26	Bộ cơ cấu dẫn động van IQM25FA14A	Bộ cơ cấu dẫn động van; Loại: IQM25FA14A; Sơ đồ đấu dây: WD09298; Tốc độ: 36 rpm; Nguồn cấp động cơ: 400V-3Ph-50Hz; IP68; Modulating torque max: 129Nm; seating torque max: 163Nm.	Bộ	03	CO, CQ, TKHQ, TLKT; xuất xứ G7

27	Bộ định vị van điều khiển khí nén MP16424-SL(R)/M0	Notation: MP16424-SL(R)/M0	Bộ	01	CO, CQ, TKHQ, TLKT; xuất xứ G7
28	Card điều khiển van điều chỉnh áp lực EME-AC-05F	Model code: EME-AC-05F	Cái	02	CO, CQ, TKHQ, TLKT; xuất xứ G7

Ghi chú:

- CO là chứng chỉ nguồn gốc xuất xứ hàng hoá;
- CQ là chứng chỉ chất lượng hàng hoá;
- TKHQ là tờ khai hải quan;
- TLKT là Tài liệu kỹ thuật của hàng hóa chào thầu (Yêu cầu cấp trong E-HSMT để chứng minh tính phù hợp với hàng hóa theo yêu cầu của E-HSMT).

Lưu ý: Nhà thầu có thể chào hàng hóa đúng như yêu cầu kỹ thuật của E-HSMT hoặc tương đương hoặc tốt hơn (tương đương hoặc tốt hơn về đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng, tiêu chuẩn công nghệ, ...).

1.4. Các yêu cầu khác

Yêu cầu về giao nhận, kiểm tra và thử nghiệm.

- Nhà thầu phải có đầy đủ các phương tiện, quy trình, biện pháp an toàn cho người, vật tư thiết bị và tự chịu trách nhiệm liên quan trong quá trình bốc xếp, vận chuyển, bảo quản và giao nhận hàng hoá. Trong trường hợp do lỗi của nhà thầu làm thiệt hại đến sản xuất của bên mời thầu thì nhà thầu phải có trách nhiệm bồi hoàn thiệt hại hoặc chịu trách nhiệm trước các cơ quan chức năng, tùy theo mức độ thiệt hại gây nên (nếu có);

- Tổ chức giao nhận hàng hoá: Địa điểm giao hàng tại kho vật tư Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại.

- Nhà thầu phải xuất trình các văn bản, tài liệu sau đây:

+ Các văn bản, chứng chỉ và tài liệu kỹ thuật như cam kết;

+ Hóa đơn giá trị gia tăng;

+ Tờ khai Hải quan (Bản gốc) nếu là nhà thầu trực tiếp nhập khẩu hoặc tờ khai Hải quan (bản sao) được đóng dấu và xác nhận sao y bản chính của đơn vị nhập khẩu nếu là hàng hoá nhà thầu mua thông qua các đại lý (áp dụng đối với hàng hóa nhập khẩu).

Tổ chức kiểm tra chất lượng và nghiệm thu, giao nhận hàng hóa.

- Bên Mời thầu kiểm tra các thông số kỹ thuật, móc mã căn cứ vào tiêu chuẩn kỹ thuật của E-HSMT quy định đối với hàng hoá do nhà thầu cung cấp. Hàng hóa phải đúng với Hợp đồng;

- Nhà thầu lập và ký giữa hai bên biên bản nghiệm thu kỹ thuật hàng hóa. Biên bản nghiệm thu kỹ thuật làm căn cứ tính thời gian bảo hành và thanh toán được quy định cụ thể trong Hợp đồng.

Mục 2. Bản vẽ:

E-HSMT này gồm có các bản vẽ trong danh mục sau đây:

Bản vẽ số	Mục đích sử dụng
186C9881	Hàng hóa mục số 3, 4, 5, 6, 7 trong <i>Bảng thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn hàng hóa.</i>
503951	Hàng hóa mục số 8 trong <i>Bảng thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn hàng hóa.</i>

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

Trường hợp cần thuê một trong các cơ quan có đủ năng lực (sau khi được hai bên thống nhất) tiến hành thử nghiệm hàng hóa (nghiệm thu, giám định, kiểm tra) theo tiêu chuẩn quy định của hợp đồng thì chi phí cho việc này do Chủ đầu tư chi trả nếu kết quả đạt yêu cầu được Chủ đầu tư chấp nhận. Nếu kết quả không đạt yêu cầu thì nhà thầu phải chi trả mọi chi phí gồm cả các chi phí phát sinh (nếu có) và Chủ đầu tư từ chối nhận hàng hóa này. Trường hợp sau thử nghiệm hàng hóa được Chủ đầu tư chấp nhận sẽ được nghiệm thu kỹ thuật theo quy định tại ngày nhà thầu gửi hàng hóa đến Chủ đầu tư.